

Bản án số: **102/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 21-8-2023
V/v “Ly hôn giữa ông T với bà T1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hòa.
2. Ông Nguyễn Tường Bích.

- T1 ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên - T1 ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Trọng T, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện ĐH, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Võ Thị Minh T1, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VX, xã VQĐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/3/2023, bản tự khai ngày 01/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Trọng T trình bày:

Ông Nguyễn Trọng T với bà Võ Thị Minh T1 tiến tới hôn nhân trên tinh

thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện ĐH, tỉnh Long An vào năm 2018. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 12 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng T1 lòng xuyên cứa cãi nhau và đã ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng giữa ông T với bà T1 không còn, nên ông T yêu cầu ly hôn.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc NY, sinh ngày 22/10/2019. Ông T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Võ Thị Minh T1 trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T1 đều vắng mặt không có lý do, mặc dù bà T1 vẫn còn đang sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai, ý kiến hay yêu cầu của bà Võ Thị Minh T1.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và T1 ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Nguyễn Trọng T thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Võ Thị Minh T1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trọng T đối với bà Võ Thị Minh T1.

Về con chung: Bà Võ Thị Minh T1 phải có nghĩa vụ giao lại con chung tên là Nguyễn Ngọc NY, sinh ngày 22/10/2019 cho ông Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Trọng T tự nguyện không yêu cầu bà Võ Thị Minh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T yêu cầu hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai không có, bà T1 không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Võ Thị Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà T1 là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

Ông T và bà T1 cưới nhau vào năm 2018, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà T1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông T yêu cầu ly hôn, bà T1 vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của ông T trong quá trình giải quyết vụ án xác định được cuộc sống vợ chồng của ông T với bà T1 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, vợ chồng T1 ờng xuyên cự cãi nhau và đã ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Hơn nữa, Toà án đã tiến hành triệu tập ông T và bà T1 để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T1 vẫn vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy bà T1 đã không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa ông T với bà T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc NY, sinh ngày 22/10/2019. Hiện tại, cháu Ý đang sống chung với bà T1. Sau khi ly hôn, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu NY. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, ông T khai rằng trong quá trình dẫn cháu Nguyễn Ngọc NY về nhà ông T (Áp 4, xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện ĐH, tỉnh Long An) để nuôi dưỡng, ông T đã tiến hành thủ tục cho cháu nhập học xong. Ngoài ra, điều kiện kinh tế của bà Võ Thị Minh T1 đang gặp khó khăn, T1 ờng xuyên bỏ nhà đi làm ăn xa. Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Võ Thị Minh T1 không cung cấp lời khai, ý kiến hay yêu cầu gì về việc có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Điều kiện kinh tế

gia đình của ông Nguyễn Trọng T tốt hơn so với bà Võ Thị Minh T1, do đó cần thiết phải giao cháu Nguyễn Ngọc NY cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng để cháu NY phát triển và có điều kiện học tập tốt và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Ông T yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà T1 cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông T khai không có, bà T1 cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1òng vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1òng vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trọng T đối với bà Võ Thị Minh T1.

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Trọng T với bà Võ Thị Minh T1.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Trọng T với bà Võ Thị Minh T1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Buộc bà Võ Thị Minh T1 phải có nghĩa vụ giao lại con chung tên là Nguyễn Ngọc NY, sinh ngày 22/10/2019 cho ông Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Trọng T tự nguyện không yêu cầu bà Võ Thị Minh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004891 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre. Như vậy, ông Nguyễn Trọng T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn Nguyễn Trọng T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Võ Thị Minh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- UBND xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện ĐH tỉnh Long An (Số 83, ngày 18/12/20);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi